

Danh sách

CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TĐHTPHCM, ngày tháng năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

Khóa thi ngày: 21/04/2026 - tại Trường

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
					LT	TH	
01	CB2104001	Nguyễn Dương Hoài An	28/03/2006	Tây Ninh	9,5	9,5	Đạt
02	CB2104002	Hoàng Quốc An	04/07/2006	Tp. Hồ Chí Minh	9,0	9,5	Đạt
03	CB2104003	Nguyễn Thế Anh	27/08/2006	Tp. Hồ Chí Minh	7,0	9,0	Đạt
04	CB2104004	Nguyễn Lê Thiên Anh	26/09/2003	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	9,0	Đạt
05	CB2104005	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	31/05/2006	Hưng Yên	6,5	8,0	Đạt
06	CB2104006	Phùng Thị Ngọc Ánh	17/01/2005	Gia Lai	6,5	8,5	Đạt
07	CB2104007	Lê Quỳnh Anh	27/06/2003	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	5,5	Đạt
08	CB2104008	Bùi Đại Bằng	25/08/2002	Đồng Nai	7,5	7,5	Đạt
09	CB2104009	Lê Dương Huy Bảo	22/08/2006	Tây Ninh	8,5	6,5	Đạt
10	CB2104010	Trần Hoàng Duy Bảo	27/08/2003	Lâm Đồng	8,5	6,5	Đạt
11	CB2104011	Trương Quốc Bảo	15/07/2001	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	7,0	Đạt
12	CB2104012	Tô Thiên Bảo	15/10/2004	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	7,0	Đạt
13	CB2104013	Vũ Ngọc Châu	04/05/2006	Bắc Ninh	9,0	9,0	Đạt
14	CB2104014	Bùi Thị Kim Chi	07/10/2005	Quảng Ngãi	9,5	9,0	Đạt
15	CB2104015	Lê Đình Chiến	29/04/2002	Thanh Hoá	9,0	7,0	Đạt
16	CB2104016	Lê Thị Kim Cương	24/12/2006	Tây Ninh	10,0	6,5	Đạt
17	CB2104017	Phạm Chí Cường	13/01/2002	Quảng Ngãi	7,0	8,0	Đạt
18	CB2104018	Nguyễn Trần Quang Đại	26/11/2004	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	5,0	Đạt
19	CB2104019	Nguyễn Hoàng Đảm	03/10/2004	Cà Mau	8,0	8,0	Đạt
20	CB2104020	Trần Thị Ngọc Diễm	24/09/2004	Quảng Ngãi	9,5	7,5	Đạt
21	CB2104021	Bùi Khánh Đoan	21/08/2006	An Giang	6,5	5,5	Đạt
22	CB2104022	Trần Thị Thuý Dung	22/02/2006	Đồng Nai	7,5	6,5	Đạt
23	CB2104023	Trần Duy	12/03/2006	Tp. Hồ Chí Minh	3,5	4,0	Không Đạt
24	CB2104024	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	25/08/2004	Tây Ninh	9,5	5,5	Đạt
25	CB2104025	Phạm Thị Thanh Hà	21/01/2006	Hà Tĩnh	2,5	3,5	Không Đạt
26	CB2104026	Lê Nguyễn Gia Hân	20/10/2006	Tp. Hồ Chí Minh	9,5	9,0	Đạt
27	CB2104027	Nguyễn Huỳnh Trúc Hằng	20/06/2004	Lâm Đồng	9,0	5,5	Đạt
28	CB2104028	Đặng Thị Diễm Hằng	25/09/2005	Quảng Ngãi	9,5	9,0	Đạt
29	CB2104029	Vy Thị Mỹ Hạnh	25/07/2005	Quảng Ngãi	9,5	9,0	Đạt
30	CB2104030	Võ Tường Hào	28/01/2004	An Giang	8,0	9,0	Đạt
31	CB2104031	Nguyễn Thuý Hiền	07/07/2003	Tây Ninh	7,5	9,0	Đạt
32	CB2104032	Dương Chí Hiếu	15/08/2003	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	5,0	Đạt
33	CB2104033	Ngô Thị Quỳnh Hoa	04/02/2006	Lâm Đồng	8,5	6,0	Đạt
34	CB2104034	Phạm Thị Ngọc Hôn	13/03/2003	Vĩnh Long	8,5	5,0	Đạt

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
					LT	TH	
35	CB2104035	Huỳnh Phước Hùng	07/09/2003	Tây Ninh	7,0	6,5	Đạt
36	CB2104036	Phạm Bá Hữu	01/05/2007	Vĩnh Long	7,5	5,5	Đạt
37	CB2104037	Huỳnh Nhật Huy	29/12/2006	Tây Ninh	5,5	0,0	Không Đạt
38	CB2104038	Lê Trường Huy	25/03/2003	Đồng Nai	7,5	5,0	Đạt
39	CB2104039	Trần Văn Huy	18/09/2003	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	0,0	Không Đạt
40	CB2104040	Ngô Quốc Khải	10/09/2003	Cà Mau	7,5	7,5	Đạt
41	CB2104041	Lê Minh Khang	19/05/2006	Tây Ninh	7,5	8,0	Đạt
42	CB2104042	Nguyễn Gia Kiệt	30/08/2006	Tây Ninh	9,0	9,0	Đạt
43	CB2104043	Nguyễn Cao Tuấn Kiệt	11/02/2003	Tp. Hồ Chí Minh	8,5	8,0	Đạt
44	CB2104044	Trần Gia Lâm	01/03/2006	Khánh Hoà	5,5	7,0	Đạt
45	CB2104045	Hồ Đoàn Mỹ Linh	02/12/2004	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	6,5	Đạt
46	CB2104046	Nguyễn Đắc Lộc	21/06/2006	Tây Ninh	9,5	9,0	Đạt
47	CB2104047	Phạm Gia Thiên Lộc	26/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	8,0	8,0	Đạt
48	CB2104048	Trương Vi Lợi	10/02/2006	Đắk Lắk	8,5	6,5	Đạt
49	CB2104049	Hồ Ngọc Bảo Long	06/11/2004	Tp. Hồ Chí Minh	8,5	7,5	Đạt
50	CB2104050	Nguyễn Thị Cẩm Ly	31/08/2003	Tp. Hà Nội	8,5	9,0	Đạt
51	CB2104051	Nguyễn Thị Xuân Mai	30/04/2007	Tp. Hồ Chí Minh	8,5	9,0	Đạt
52	CB2104052	Đặng Thị Huỳnh Mai	22/11/2006	Tây Ninh	7,5	6,0	Đạt
53	CB2104053	Huỳnh Nguyễn Bạch Mai	23/12/1996	Tp. Hồ Chí Minh	8,5	6,5	Đạt
54	CB2104054	Nguyễn Hữu Minh	30/04/2006	Lâm Đồng	9,0	4,0	Không Đạt
55	CB2104055	Võ Khả My	07/11/2003	Cà Mau	7,0	6,0	Đạt
56	CB2104056	Nguyễn Ngọc Diễm My	22/12/2005	Tây Ninh	6,5	6,5	Đạt
57	CB2104057	Nguyễn Trần Giao My	14/10/2006	Tây Ninh	8,0	9,0	Đạt
58	CB2104058	Trần Anh Nam	16/04/2001	Lâm Đồng	9,5	8,5	Đạt
59	CB2104059	Trần Thị Tuyết Ngân	12/09/2005	Tây Ninh	6,5	5,0	Đạt
60	CB2104060	Trương Hoàng Bảo Ngân	29/06/2002	Tp. Hồ Chí Minh	8,0	4,0	Không Đạt
61	CB2104061	Đoàn Đại Nghĩa	24/04/2006	Tp. Hồ Chí Minh	9,5	8,5	Đạt
62	CB2104062	Nguyễn Phúc Hạnh Nguyên	29/11/2006	Đồng Tháp	8,0	5,5	Đạt
63	CB2104063	Tăng Thị Kim Nhan	16/03/2006	Tp. Cần Thơ	5,0	5,5	Đạt
64	CB2104064	Hồ Lê Phương Nhân	29/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	5,5	Đạt
65	CB2104065	Lê Tuyết Nhi	14/11/2004	Tp. Hồ Chí Minh	7,0	5,5	Đạt
66	CB2104066	Trịnh Thị Huỳnh Như	16/06/2006	An Giang	7,5	6,5	Đạt
67	CB2104067	Phan Thị Mỹ Nhung	08/07/2004	Tây Ninh	9,5	7,0	Đạt
68	CB2104068	Trần Thị Hồng Nhung	05/09/2003	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	7,5	Đạt
69	CB2104069	Lâm Thành Nhật	19/08/2005	An Giang	8,5	7,5	Đạt
70	CB2104070	Nguyễn Tấn Phát	09/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	8,0	0,0	Không Đạt
71	CB2104071	Nguyễn Văn Phi	05/02/2001	Quảng Ngãi	8,0	5,5	Đạt
72	CB2104072	Nguyễn Văn Triệu Phú	26/05/2005	Tây Ninh	5,5	5,0	Đạt
73	CB2104073	Nguyễn Văn Phúc	14/03/2006	An Giang	8,5	9,0	Đạt

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
					LT	TH	

Tổng cộng: 73 thí sinh

Đạt	66
Vắng thi	0
Không Đạt	7

0

Vắng thi	0
Không Đạt	7

Vắng thi	0
Không Đạt	7